

TIẾP XÚC GIAO LƯU VÀ CHUYỂN ĐỔI BẢN SẮC TỘC NGƯỜI TRONG NHÓM HÔN NHÂN HỖN HỢP LÀO - VIỆT NAM, VIỆT NAM - LÀO

XOMTHON YERLOBLIAYAO*

I. TÌNH TRẠNG HÔN NHÂN GIỮA NGƯỜI LÀO VÀ NGƯỜI VIỆT NAM

Việc thống kê người Việt Nam chủ yếu là người Kinh (gái hoặc trai) lấy người Lào là một trở ngại rất lớn cho cuộc diên dã trên thực địa. Bởi, các cấp như phường – xã mà người Lào gọi là bản – mường không thể cung cấp thông tin chính xác về con số người Lào lấy con gái Việt Nam cũng như con gái Lào lấy người nước ngoài và ngay cả trong trường hợp ngoại kiều Lào ở nước ngoài lấy người Lào (các tộc người ở Lào) cũng chưa có một thống kê nào.

Duy nhất chỉ có một trường hợp người Lào đầu tiên đã lấy chồng là người Việt Nam trong thời kháng chiến đó là một cô gái bộ tộc người Mông ở huyện Noọng Hét tỉnh Xiêng Khoảng, giáp với huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ Tĩnh.

Kết quả gần đây của hai đợt điều tra

diên dã tại các tỉnh: Thành phố Viêng Chăn, tỉnh Bolikhămxay – Khăm Muộn (cách Viêng Chăn về phía Nam 320 km theo con đường quốc lộ số 13), tỉnh Savănnakhet (cách Viêng Chăn về phía Nam hơn 600 km, giáp biên giới Việt Nam); tỉnh Chămpasăc cách Viêng Chăn hơn 700 km về phía Nam thì trong số 66⁽¹⁾ phụ nữ Việt Nam lấy chồng Lào được phân bố như sau: (xem bảng 1).

Trong 66 cô gái Việt Nam lấy các chàng trai Lào này, có 28 người lấy chồng Lào thuộc lực lượng vũ trang nhân dân⁽²⁾ chiếm khoảng 42%, chủ yếu những người chồng Lào này có nghề là lái xe còn các cô vợ phần lớn là miền Trung (Huế và Đà Nẵng), còn 38 người lấy các chồng Lào là công chức nhà nước, chiếm khoảng 58%. Tỷ lệ thống kê trên phần nào cho thấy trong thời gian từ năm 1975 - 2000 là năm trong những năm Việt Nam giúp Lào đào tạo các cán bộ chuyên môn (phần lớn là

* Xomthon Yerlobliayao, Viện Nghiên cứu Văn hóa Lào

Bảng 1

STT	Thành phố / tỉnh	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam
1	Viêng Chăn	13	3	3
2	Khăm Muộn	12	8	0
3	Savannakhet	4	11	1
4	Chăm-pasác	5	6	0
	Tổng cộng	34	28	4

miền Bắc Việt Nam) gồm các trường Trung học, Đại học và các trường dạy nghề khác. Bởi vậy, tất cả các cặp hôn nhân kể từ năm 1970 trở lên chỉ có 17 người, còn từ năm 1970 đến năm 2000 là 31. Ngoài ra, từ năm 2000 đến nay có khoảng 18 trường hợp mà nguyên nhân chính là do các chàng trai Lào sang Việt Nam công tác như: Lái xe sang chở hàng phục vụ trong cuộc kháng chiến, do sang học Đại học và học nghề mà họ có điều kiện làm quen với các cô gái Việt Nam cùng học hoặc do quen biết nhau trong quan hệ bạn bè dẫn đến việc thành vợ - chồng như sau (xem bảng 2).

pháp luật nào cho phép hoặc thừa nhận người Lào và người Việt Nam lấy nhau xuyên quốc gia. Nhưng, cũng có rất nhiều trường hợp các chàng trai Lào làm đơn và làm các thủ tục hợp pháp theo con đường ngoại giao. Trong tất cả các đối tượng mà chúng tôi thu thập được chỉ có 9 người có giấy tờ hợp lệ theo con đường ngoại giao, chiếm khoảng 13,6% trong tổng số những con gái Việt Nam lấy con trai Lào hợp pháp. Trong các cặp hôn nhân hỗn hợp trên dù là có giấy đăng ký kết hôn hay không có thì họ vẫn tổ chức lễ cưới chu đáo, hay chưa chu đáo theo từng thời kỳ mà các điều kiện cho phép như sau (xem bảng 3).

Bảng 2

STT	Miền	Công tác	Đi học	Thăm thân nhân	Buôn bán	Lao động
1	Miền Bắc	10	24	0	0	0
2	Miền Trung	23	5	0	0	0
3	Miền Nam	4	0	0	0	0
	Tổng cộng	37	29	0	0	0

- Các lễ cưới của các cặp hôn nhân (phần lớn là trai Lào lấy gái Việt Nam) được tổ chức theo phong tục tập quán “địa phương”. Bởi, giữa Lào - Việt Nam thời đó (hoặc hiện nay) chưa có chính sách hoặc

Từ trước đến nay, giữa Lào - Việt Nam và Việt Nam - Lào chưa có hiệp định hoặc một qui ước để làm tiêu chí hoặc những qui định dành cho người Lào lấy người Việt Nam và ngược lại.

Bảng 3

STT	Từ 1975 đến nay	Có đăng ký kết hôn	Không đăng ký kết hôn	Cưới theo phong tục tập quán Lào - Việt	Không tổ chức theo bên nào
1	17 người	0	0	13	4
2	49 người	9	40	25	15

Bảng 4

STT	Tên nước	Tổng số	Nữ	Quốc tịch	Quốc tịch gốc
1	Thái Lan	43	5	43 (Thái Lan)	Thái Lan 40, Trung Quốc 1 nữ và 2 người Lào
2	Pháp	41	1	Pháp 41	Pháp 22 người; Lào 15 người
3	Canada	18	1	Canada 18	Lào 12 (nữ); Canada 6
4	Nhật	18	4	Nhật 18	Lào 2 người; Nhật 16 người
5	Ốtxtrâyliã	16	2	Ốtxtrâyliã 16	Lào 6 (nữ 2), Ốtxtrâyliã 9, Việt Nam 1
6	Mỹ	12	0	Mỹ 12 người	Lào 9; Mỹ 3 người
7	Anh	10	1	Anh 10 người	Lào 1 nữ; Anh 9 người
8	Trung Quốc	9	1	Trung Quốc 9 người	Trung Quốc 9 người
9	Việt Nam	6	1	Việt Nam 6 người	Việt Nam 6 người
10	Hàn Quốc	5	0	Hàn Quốc 5 người	Hàn Quốc 5 người
11	Hà Lan	4	0	Hà Lan 4 người	Hà Lan 4 người
12	Thụy Sĩ	5	0	Thụy Sĩ 5 người	Thụy Sĩ 5 người
13	Bỉ	7	0	Bỉ 7 người	Lào 2 người; Bỉ 4 người, Việt Nam 1 người
14	Thụy Điển	3	0	Thụy Điển 3 người	Thụy Điển 2; Mỹ 1 người
15	Đan Mạch	2	0	Đan Mạch 2 người	Đan Mạch 2 người
16	Malaixia	2	0	Malaixia 2 người	Malaixia 2 người
17	Xingapo	2	0	Xingapo 2 người	Xingapo 2 người
18	Hồng Kông	1	0	Hồng Kông 1 người	Hồng Kông 1 người
19	Đức	1	0	Đức 1 người	Đức 1 người
	19 nước	208	16	19 quốc gia	20 chủng tộc

(Bảng 4: Tư liệu này chưa công bố)

Một dự án khác cũng đề cập đến việc hôn nhân “ngoại lai văn hóa” trong một huyện nội thành Viêng Chăn* từ năm 1999-2005 như sau (xem bảng 4).

* Một huyện trong nội thành Viêng Chăn (Vì chưa công bố nên không nêu địa danh).

* Nguyên một huyện đã có 208 người, trong đó Việt Nam có 6 người.

* Về quốc tịch gốc thì tư liệu không phân biệt là bao nhiêu người Lào (nam hay nữ) lấy người nước ngoài, hoặc ngược lại có bao nhiêu (nam hay nữ) người nước ngoài đã kết hôn với người Lào.

- Về nghề nghiệp: Nếu các chàng trai

trong khi đó nông nghiệp cũng chưa được cơ khí hoá. Mặt khác, vào những năm 1980, đã có những chuyển biến quan trọng trong việc phát triển kinh tế thị trường theo đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước Lào và Việt Nam. Từ những chính sách đó, các bà vợ người Việt hôm trước chỉ làm công việc nội trợ thì nay đã bắt đầu tìm kiếm một nghề sống của riêng mình như: chăn nuôi, buôn bán, làm các công việc dịch vụ, giáo viên, thợ may và một số nghề khác... Hiện nay, các bà vợ đó đã rất phát đạt trong kinh doanh như những người Lào, Việt kiều hoặc người Hoa đã định cư lâu năm ở Lào. (xem bảng 5).

Bảng 5

STT	Năm	Công chức	Giáo viên	Buôn bán	Chăn nuôi	Nội trợ
1	Trước 1975	6	12	15	06	27
2	1975 đến nay	2	6	53	02	3
	Tổng cộng	8	18	68	08	30

người Lào là các lưu học sinh đang theo học tại các trường trung học, đại học hoặc các trường dạy nghề mà sau này họ là những công chức nhà nước ở các bộ – ngành trong cơ quan nhà nước đã có những chức vụ tương đối cao thì những người vợ của họ (các cô gái Việt Nam) lại là những người đang học phổ thông hoặc đang học ở các trường trung học, đại học. Nhìn chung, các cô gái Việt Nam lấy chồng Lào là chưa có nghề nghiệp hoặc chưa được nhận công việc gì trong cơ quan nhà nước. Nhưng, sau khi họ lấy chồng và theo chồng về nước thì họ đều là những người vợ đảm nhận công việc nội trợ giúp chồng là chính. Bởi vì, một mặt Lào là một nước nông nghiệp chưa có công nghiệp,

Trong bảng trên, chúng ta thấy các bà vợ người Việt dần dần chuyển sang nghề buôn bán. Việt kiều hay những phụ nữ Việt Nam đã lấy chồng Lào, dù ở thành phố hay ở các tỉnh thì đều có nguồn thu nhập chính từ buôn bán.

II. NHỮNG CHUYỂN ĐỔI VỀ MẶT VĂN HOÁ - XÃ HỘI TRONG NHÓM HÔN NHÂN HỖN HỢP LÀO - VIỆT NAM, VIỆT NAM - LÀO⁽³⁾

Như chúng ta biết, đa số người Việt Nam là nông dân trồng lúa nước. Dù các cô gái Việt lấy chồng Lào có trình độ học vấn ở cấp nào, hoàn cảnh của họ trước và sau khi đã lấy chồng như thế nào đi chăng

nữ thì sau khi theo chồng về Lào, họ đều là những người rất cần cù trong cuộc sống, hoà mình vào cộng đồng các tộc người ở Lào⁽⁴⁾ với những nền văn hoá khác nhau, trong đó nổi bật nhất là việc phát triển về mặt kinh tế gia đình.

1. Xã hội

Trong xã hội Lào, người Lào Lùm hoặc Lào vùng thấp xưa kia, cũng giống như người Việt Nam thời phong kiến, đều không coi trọng phụ nữ. Người Lào coi *Nhìng Lào* (cô gái Lào) là người *Khỏi Khả* (đầy tớ) của chồng. Trước năm 1893, nghĩa là trước khi Pháp đô hộ Lào thì nếu người *Phủ Sai* (con trai) nào mà lấy người *Phủ Nhìng* là đầy tớ và ngược lại người *Phủ Nhìng* mà lấy người *Phủ Sai* là đầy tớ thì cặp vợ - chồng đó đương nhiên đều thành đầy tớ.

Vấn đề này đã được S. Dejvongsa đề cập đến trong "*Lao Buddhistic Customs*". Tác giả cho rằng việc đối xử đó "trái với đạo lý của Phật giáo. Bởi vì lời dạy của Thượng đế là người ta có quyền bình đẳng, không phân biệt về đẳng cấp, nhân loại, giới tính" (S. Dejvongsa: 240). Nhưng, trong thực tế *Khỏi Khả* ở Lào có trước Phật giáo, xâm nhập vào Lào từ rất sớm.

Chỉ sau năm 1893, các qui định về vấn đề này mới bị bãi bỏ. Nhưng trong thực tế, người ta vẫn duy trì mãi về sau mà chưa có một luật nào trừng trị cả. Như chúng ta đã biết, thể chế xã hội Lào không có nô lệ như những nước khác. *Khỏi Khả* cho đến trước năm 1975 trong một số gia đình khá giả có một tên gọi chung là *Khôn xáy* (người ở). Những người này không có lương, chỉ sống nhờ để được ăn và họ làm việc từ sáng đến tối, không có một qui định nào cả.

Quan niệm của người Lào Lùm về việc thuận vợ thuận chồng gồm có những tiêu chí nền tảng nhất định. Một người vợ tốt cần có 5 tiêu chí. Thứ nhất phải biết "*giới*" (*phận nữ*) đó là *bếp và nhà*. Bốn tiêu chí còn lại là: *nước uống, nước dùng, nước tắm rửa và tắm lòng (Rượu)*. 4 tắm lòng ưu ái đó lúc nào cũng phải có sẵn trong gia đình để tiếp khách. Trong phong cách "nông thôn Lào Lùm thời trước", người vợ hiền trong gia đình phải là người biết cách ứng xử khi nhà có khách như: mời khách trà, thuốc lá, nước uống và biết chuyện trò với khách. Việc chuyện trò không có nghĩa là chỉ cần biết nói năng thôi mà còn biết nên nói những gì, không phô trương... Trong cuộc sống vợ chồng, đôi lúc cũng có lời ăn tiếng nói không vừa lòng nhau. Xã hội cổ truyền của người Lào Lùm quan niệm rằng nếu người vợ chửi bới chồng quá thậm tệ thì kiếp sau sẽ phải làm vợ con chó... Còn người chồng lý tưởng cần cũng có 6 tiêu chí như sau: *không tàn tật, khôn ngoan sáng suốt, ân cần đạo nghĩa, biết phong tục tập quán, phải có nhà cửa và làm ăn chân chính*.

Căn cứ những tiêu chí truyền thống được xã hội qui ước dành cho người vợ, người chồng mà hiện nay người Lào còn gìn giữ trong xã hội hiện đại thì các cô gái Việt Nam lấy chồng Lào đều thể hiện rất đảm đang trong suốt vòng đời một năm có 12 tục lệ và 14 tập quán. Dưới đây là một tiêu chí mà những cô gái Việt Nam đã hoà nhập vào xã hội người Lào và đây cũng là một trong những điểm then chốt đã và đang biến chuyển dần dần bản sắc những cô gái Việt Nam lấy chồng Lào (xem bảng 6).

10 tiêu chí trên đây phần nào đã phản ánh được sự biến chuyển từ một thể chế

Bảng 6

STT	Sinh hoạt	Kiểu Lào	Kiểu Việt	Quốc tế	Tuỳ ý
1	Ăn uống	38	16	4	8
2	Mặc	41	14	2	9
3	Trong nhà có lễ	54	2	1	9
4	Dự lễ tang Việt	0	8	5	53
5	Dự lễ tang Lào	0	1	0	45
6	Dự lễ cưới (Lào)	35	1	0	30
7	Dự lễ cưới Việt	24	7	18	17
8	Đi chùa (Lào)	64	0	0	2
9	Đi chùa (Việt)	3	12	0	51
10	Đi lễ hội	1	0	0	65

xã hội Việt Nam của các cô gái người Việt Nam lấy chồng Lào để hoà nhập vào một xã hội mới đó là nền văn hoá Lào. Trong sinh hoạt của các cặp hôn nhân thì vấn đề như ăn uống có 38/66 người chiếm khoảng 57,5% các cặp gia đình đó ăn theo kiểu Lào. Ăn ở đây bao gồm cả cách chế biến theo kiểu Lào hay chế biến theo kiểu Việt Nam. Sống giữa một cộng đồng xã hội Lào bao phủ xung quanh mình, các cô gái Việt Nam lấy chồng Lào đều mặc giống như người Lào. Theo thống kê trên thì có đến 41/66 trường hợp chiếm tổng số khoảng 62% người đã ăn - mặc theo kiểu người Lào Lùm.

Người Lào quan niệm con người có sinh - ốm đau - chết, người Việt Nam cũng có câu "sinh - tử - lão - bệnh". Trong thống kê trên thì khi đi dự các lễ tang (người Việt) các cô gái Việt Nam đã lấy chồng Lào thì họ chỉ mặc theo kiểu Việt Nam 8/66, chiếm khoảng 12% và mặc tuỳ ý là 53/66 chiếm 80%. Còn khi đi dự lễ tang người Lào thì họ lại mặc theo kiểu người Lào 20/66, chiếm 30% và mặc tuỳ ý 45/66, chiếm khoảng 80%. Khi đi chùa Lào thì 97% là mặc theo kiểu Lào, chỉ có 3% thì

mặc tuỳ ý. Trong khi đó khi các cô đi lễ chùa người Việt Nam, mặc theo kiểu Lào có 12/66, chiếm khoảng 18% còn chủ yếu họ mặc tuỳ ý 51/66, chiếm khoảng 77%.

Nước Lào là một đất nước đa tộc người, sống hoà thuận với nhau. Thống kê dân số toàn quốc ngày 01/03/1995 cho biết, người Lào (quốc tịch Lào) chiếm đến 99,5%, trong đó dân số ngoại kiều Việt Nam ở Lào có khoảng 0,3%, còn tỷ lệ về tín ngưỡng như sau: Theo Phật giáo: 65 %, Ma: 33% và ngoài ra là các tín ngưỡng khác (xem bảng 7).

2. Việc sử dụng ngôn ngữ

Ngôn ngữ là một phương tiện xã giao trong một cộng đồng người trong một xã hội, trong một đất nước. Như đã trình bày ở phần trên, đất nước Lào cũng như nước Việt Nam đều là những quốc gia đa dân tộc mà các dân tộc đó lại sống xen kẽ với nhau, cho nên việc sử dụng ngôn ngữ đôi khi lại rất khó khăn cho những cô gái Việt Nam lấy chồng Lào. Đó là chưa nói những cô gái Việt Nam sang Lào lại ở ba miền Bắc - Trung - Nam mà từng vùng họ nói, và phát âm khác nhau trong một từ hoặc một câu.

Bảng 7: Dân số chia theo địa danh giới tính và tín ngưỡng

STT	Tín ngưỡng	Trai	Gái	Tổng số	Tính %
1	Phật giáo	1480070	1513445	2993515	65.4
2	Ma	748517	766688	1515205	33.1
3	Hồi giáo	29317	30740	60057	1.3
4	Tin lành	578	555	1133	0
5	Các tín đồ khác	2362	2293	4655	0.1
6	Không khai	142	141	283	0
		2.260.986	2.313.862	4.574.848	100

Nguồn: State Planning Committee National Syatistical Center, biểu đồ 1, Viêng Chăn, 1995, tr. 10

Bảng 8

STT	Sinh hoạt hàng ngày	Người	Tiếng Lào	Tiếng Việt	Cả hai
1	Trao đổi với bố mẹ trong gia đình		48	6	12
2	Con trao đổi với bạn (là người Lào)		60	2	4
3	Con trao đổi với bạn (là người Việt)		58	6	2
4	Đi dự lễ hội, đi chơi, thăm thân nhân, bạn bè con sẽ trao đổi với bố mẹ bằng		63	2	1
5	Con biết đọc tiếng Lào/tốt hơn tiếng Việt		65	1	1
6	Con biết viết tiếng Lào/viết tiếng Việt		66	0	0

Trong 66 người Việt Nam đã lấy chồng Lào thì họ đều không biết tiếng, phong tục tập quán, văn hoá - xã hội của Lào, thậm chí có những cô còn không hỏi những trai Lào đó đã có vợ hay chưa! Cùng cùng một câu hỏi đó, có 54/66 người, chiếm 81,8% các cô đều trả lời là họ chỉ đi theo tiếng gọi của trái tim, chứ họ không biết một tí gì về đất nước người chồng tương lai của mình. Họ sẵn sàng xa gia đình, bạn bè, quê hương mà họ không hề biết là khi đi đến xứ lạ quê người, trong một xã hội hoàn toàn khác biệt với mình.

Hãy xem bảng trả lời phỏng vấn về việc sử dụng ngôn ngữ trong cuộc sống hàng ngày của 66 cặp hôn nhân hỗn hợp thì con cái sẽ sử dụng ngôn ngữ để trao đổi như thế nào (xem bảng 8).

Trong số các đối tượng được phỏng vấn (chủ yếu là các người phụ nữ Việt Nam đã lấy chồng là người Lào) thì họ đều cho rằng ngôn ngữ thông dụng nhất trong gia đình là tiếng Lào. Bởi, trong sinh hoạt, trao đổi với bạn bè (dù người bạn đó là người Lào hay người Việt Nam), trong các lễ hội, thậm chí ngay cả khi đi thăm thân

nhân... thì các con của họ đều nói bằng tiếng Lào. Trong các cặp hôn nhân hỗn hợp, theo thống kê được thì bố – mẹ đều sử dụng tiếng Lào để nói với con (48/66, chiếm 72,7%) trong khi đó, họ chỉ dùng tiếng Việt Nam nói với các con là 6/66 chiếm 9% và 12/66 người chiếm 18% trong gia đình sử dụng hai thứ tiếng song song.

* Tiếng nói và chữ viết Việt Nam mà có một thời các bà mẹ đã coi như tiếng mẹ đẻ hiện giờ đã lùi lại phía sau rất xa!

Giữa tiếng Việt Nam và tiếng Lào, con nói tiếng Lào tốt hơn tiếng Việt 65/66, chiếm 98,4%, còn tiếng Việt Nam thì hầu như con cái của họ không biết đọc và biết viết 66/66, chiếm 100%. Đây là một thống

thủ đô Hà Nội.

Báo cáo của TS. Nguyễn Duy Thiệu 4/2004 đưa ra nhận xét:

“Trong bối cảnh một nhóm người bị chia tách khỏi cộng đồng chính, chuyển cư tới sống tại một địa bàn cách biệt với địa bàn truyền thống của tổ tiên mình, ví dụ cụ thể như cộng đồng người Việt tại Lào chẳng hạn, thì cái mất hay còn của ngôn ngữ, của “tiếng mẹ đẻ” có nghĩa như mất hay còn của “bản sắc tộc người”. Bởi thế mà nó là vấn đề được cộng đồng quan tâm đặc biệt. Thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu về Việt kiều tại Lào chúng tôi đã tiến hành điều tra khảo sát về tình trạng sử dụng tiếng Việt trong cộng đồng người Việt tại Lào, kết quả thu được là (xem bảng 9).

Bảng 9: Bảng điều tra ngẫu nhiên, đối tượng là người lớn (trên 20 tuổi) (tháng 4 năm 2004)

STT	Tỉnh	Số phiếu điều tra	Tiếng Việt	Tiếng Lào
1	Viêng Chăn Hộ/%	134	134 100%	125 93,2%
2	Châmpasác Hộ/%	143	143 100%	119 83,2%
3	Luang Prabang Hộ/%	49	41 83,6%	45 92%
4	Tổng hợp 3 tỉnh Hộ/%	316	318 97,5%	289 88,65%

kê khi các con của họ dưới 10 tuổi, sau khi tốt nghiệp phổ thông các con của những cặp vợ - chồng hỗn hợp này đã thi vào đại học thậm chí còn thi được đi học nước ngoài với số điểm từ khá đến rất khá.

Hiện nay, không ít những cặp vợ-chồng mà có một thời bố-mẹ của họ yêu trộm nhớ thâm năm xưa lại có một đứa con đang theo học tại các trường Đại học ngay trong

Số liệu trên đây cho thấy về diện rộng (4 tỉnh) có 2, 5% số người Việt không biết tiếng Việt, nhưng trong diện hẹp của một tỉnh, có nơi như Luang Prabang chẳng hạn, có tới 15,6% số người Việt không biết tiếng Việt. Đương nhiên, các đối tượng mà chúng tôi tiến hành khảo sát là người lớn từ 20 tuổi trở lên, còn nếu điều tra các thành viên ở độ tuổi dưới 20, đặc biệt là

các cháu bé (người Việt trên đất Lào thuộc thế hệ thứ ba, thứ tư) thì chắc chắn là tỷ lệ người Việt không biết tiếng Việt còn cao hơn nhiều.

Phản ánh tình trạng đang bàn Chị Mai Châu (một Việt kiều tại Viêng Chăn) đã bức xúc phát biểu trong buổi toạ đàm tại Hội Việt kiều Viêng Chăn, tháng 4-2004 như sau: Năng lực sử dụng tiếng Việt bị mai một, một phần rất quan trọng do điều kiện để cho con em Việt kiều học chưa được tổ chức tốt. Nếu như trước đây tiếng Việt còn được học tới lớp 5 trong trường Việt kiều, thì ngày nay, tiếng Việt bị coi như một thứ ngoại ngữ, mỗi tuần chỉ học từ 2-5 tiết. Trước đây, khi tiếng Việt còn được dạy tới hết lớp 5 thì không chỉ con em Việt kiều mà cả con em Lào cùng học tiếng Việt, các cháu đều cùng biết đọc, biết viết tiếng Việt - thông thường các cháu đều cùng hát các bài hát Việt Nam rất thành thạo. Còn bây giờ chỉ có một số nơi các cháu được học tiếng Việt mỗi tuần 5 tiết - như học một ngoại ngữ. Đại bộ phận Việt kiều dưới 25 tuổi, chỉ biết nói tiếng Việt rất hạn chế, mà không còn biết đọc, biết viết nữa. Nếu như tình trạng này kéo dài thì chỉ cần vài ba thế hệ nữa là "tiếng Việt - nền văn hoá Việt" bị đồng hoá....

III. MỘT SỐ NHẬN XÉT VÀ KẾT LUẬN

Nhận xét:

- Kể từ năm 1970-1990 thì đã bắt đầu xuất hiện phong trào các cô gái Việt Nam lấy chồng Lào (như đã trình bày ở trên). Còn người con trai xứ Việt Nam đầu tiên được ghi nhận là đã lấy một người phụ nữ người Mông (Lào)...

- Bản sắc tộc người (trong nhóm các cô gái Việt Nam đã lấy chồng Lào) hiện nay

đã có một bước chuyển biến rất lớn. Từ một cô gái quê mùa hoặc một nữ sinh đại học hoặc một cô thanh niên, khi theo chồng về Lào họ đã trở thành một người vợ như những người vợ Lào cùng làng quê trong sự giao dịch văn hóa, và dần dần họ đã trở thành một bà mẹ cho những đứa con Lào-Việt. Sự đón tiếp nồng hậu trong gia tộc của một cộng đồng gia đình phát triển và việc chấp nhận một nền văn hóa mới rất hòa thuận đó đã phần nào nói lên người Lào và người Việt Nam là hai cộng đồng biết cảm thông cho nhau mặc cho những khác biệt như : Người Việt ăn cơm tẻ còn người Lào ăn cơm nếp, người Việt mặc quần người Lào mặc váy..., những hình ảnh đó chỉ là thói quen không ảnh hưởng đến tình nghĩa vợ - chồng.

- Đóng một vai trò cùng Việt kiều phát triển đất nước Lào:

- Gia đình: không riêng gì người vợ hòa thuận mà những người chồng cũng phải hòa thuận với người vợ như: Tiết kiệm về chi phí, ăn ở, sinh hoạt...

- Xã hội: hòa nhập vào cộng đồng bản địa, các tập tục liên quan đến nghi lễ, phong tục tập quán), tham gia vào các hiệp hội trong một tổ chức làng bản (cúng tế chu kỳ 12 tập tục và 14 tập quán), đảm đương mọi công việc nghi lễ có liên quan đến thể chế cộng đồng họ hàng bên nhà chồng...

- Cộng đồng Kiều: Tuy rằng các tổ chức đoàn thể như Hội Việt kiều, Lãnh Sự quán... chưa có một chỉ đạo thống nhất để đoàn tụ bà con người Việt Nam sinh sống lâu đời ở nước Lào, nhưng sự đoàn kết, "lá lành đùm lá rách" trong thâm tâm các cô gái Việt Nam lấy chồng Lào vẫn tồn tại nguyên vẹn, họ thường xuyên đến thăm hỏi nhau trong các dịp Tết cổ truyền Việt

Nam, giúp đỡ nhau trong việc kinh doanh...

- Từ năm 1999-2006, nhìn tổng thể thì số lượng người Lào (*Phủ Sai Lào*) kết hôn với phụ nữ Việt Nam đã chuyển sang một thời kỳ mới, đó là thời kỳ các cô gái Lào (*Phủ Nhing Lào*) lấy chồng là người Tây, người Á (xem báo cáo của một dự án khác, trang 5). Tại sao? Có nhiều lý do để chứng minh cho hiện tượng này:

+ Có thể do nền kinh tế Việt Nam phát triển rất nhanh trong vòng 10 năm trở lại đây đã phần nào có nguồn thu nhập cao hơn, nên việc đi tìm con đường kiếm sống mới của họ đã không còn như trước nữa. Mặt khác, do số lượng người Lào có điều kiện sang Việt Nam công tác, học tập kể từ năm 2000 trở lại đây ít hơn trước.

+ Trong một dự án khác, chỉ điển đã trong một phạm vi hẹp là một huyện nằm trong nội thành Viêng Chăn, đã kết luận rằng: Trước kia chỉ có đàn ông Lào kết hôn với phụ nữ người nước ngoài thì ngày nay, việc “cặp bồ” với người nước ngoài của các cô gái Lào (có học vấn hay người bình dân) là chuyện bình thường.

KẾT LUẬN:

- Về cơ bản mà nói, những người phụ nữ Việt Nam đã lấy chồng Lào đều nhanh chóng hòa mình vào một cộng đồng văn hóa mới, thậm chí họ còn đậm đà hơn những người phụ nữ Lào trong nội trợ và xã hội. Còn bản sắc văn hóa người Việt Nam như tiếng Việt, cách trang điểm (mặc) theo kiểu người Việt Nam mà trước đây được coi như nền văn hóa của mình đã dần dần bị phai mờ mà biểu hiện rõ nhất là ngôn ngữ, ăn, mặc, văn hóa tinh thần và xã hội phụ hệ theo kiểu người Lào...

- Một số bà con người Việt Nam đã nhập quốc tịch Lào mà người Lào gọi họ là người Lào gốc Việt đã có một số biểu hiện không thể chấp nhận được như không công nhận mình có nguồn gốc Việt mà hãnh diện mình là người Lào, nhưng khi trao đổi với người phỏng vấn thì lại nói tiếng Việt Nam rất sôi...

- Quan hệ tương thân giữa người Việt Nam với người Lào, nhất là những cô dâu người Việt Nam được thể hiện rõ qua tình thương, lòng quý mến họ hàng bên nhà chồng rất mẫu mực. Nhưng với bà con người Việt Nam với nhau thì lại hay xảy ra những chuyện mất đoàn kết, thậm chí có một số người đã theo chồng về sống ở Lào trên 20 năm mà họ không biết Hội Việt kiều, Lãnh Sự quán. Khi được hỏi là tại sao thì hình như các tổ chức đó không giải quyết được các vấn đề mà có lẽ sẽ giải quyết được.

- Theo thống kê thu thập được, kể từ những năm 1995 trở lại đây, các cặp hôn nhân hỗn hợp người Lào lấy người phụ nữ Việt Nam ít xuất hiện hơn./.

CHÚ THÍCH

1. 66 cô gái Việt Nam lấy chồng Lào này chưa phải là con số tuyệt đối, bởi chưa thống kê cả nước được.
2. Lực lượng vũ trang nghĩa là bộ đội và công an.
3. Như đã nêu, ở đây chỉ giới hạn những cô gái Việt Nam lấy các chồng Lào mà hiện nay họ đang làm ăn sinh sống ở Lào. Việt kiều đã định cư ở Lào nhiều thế hệ thì không nằm trong dự án này.
4. Lào là một nước đa tộc người, không có tộc người nào là đa số hoặc là thiểu số như ở Việt Nam.